

Bản án số: 204/2025/DS-PT

Ngày: 09 - 4 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 641/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Số 60B Đoàn Hoàng Minh, Phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Tuyết M, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Trung H1, sinh năm 1989 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 454 ấp An Bình, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Thị Bé B, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

3.2. Bà Huỳnh Thị Tuyết A, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Bà Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp An Phú Thạnh, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh H trình bày:

Ông Huỳnh Út D là em ruột của bà Huỳnh Thị Thanh H. Ông Huỳnh Út D và bà Bùi Thị Bé B sống với nhau có tất cả 3 người con là bà Huỳnh Thị Tuyết A, bà Huỳnh Thị Tuyết N, bà Huỳnh Thị Tuyết M. Ông D và bà B chung sống với nhau từ năm 1978 và đã ly hôn vào năm 1996 theo Bản án số 07 ngày 11/3/1996 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre. Cha mẹ của ông Huỳnh Út D cũng đã chết từ rất lâu.

Do ông D là em ruột của bà H, ông D bị bệnh ung thư nặng và không có tiền để trị bệnh. Đất của D không thể bán được nên ông D không có tiền để trị bệnh. Ông D đến năn nỉ bà H kêu bà H bán đất của bà và cho D vay để trị bệnh. Vì quá thương em, nên bà H đã bán đất của mình và giao tiền cho ông D và bà Tuyết M là con của ông D để có tiền cho ông D trị bệnh. Ngày 09/7/2022, bà H đã giao cho ông Huỳnh Út D và bà Huỳnh Thị Tuyết M số tiền 1.500.000.000 đồng để ông D điều trị bệnh.

Việc vay tiền hai bên có làm hợp đồng vay tiền và có công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: Số E, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Theo như hai bên thoả thuận bên ngoài, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 09/7/2022 đến 09/7/2023, lãi suất vay là 1%/tháng. Tiền lãi trả hàng tháng vào ngày 9 tây mỗi tháng là 15.000.000 đồng.

Từ sau khi vay, ông D và bà M có đóng lãi cho bà H được tổng số tiền lãi là 13.700.000 đồng, trả lãi không đúng như thoả thuận.

Năm 2023 ông D chết. Cuối năm 2023, bà H có đến gặp bà Tuyết M để yêu cầu trả lại số tiền mà trước đây ông D và bà Tuyết M đã vay của bà H nhưng bà Tuyết M không đồng ý trả lại và nói là sẽ đồng ý cắt một phần đất giao cho bà H.

Hiện nay bà Huỳnh Thị Tuyết M là người đứng tên toàn bộ các thửa đất do ông Huỳnh Út D để lại, gồm thửa đất số 232, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.387,4m² và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 6, diện tích là 6.339.3m² tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà Huỳnh Thị Tuyết M là người ký tên vay tiền cùng với ông Huỳnh Út D.

Nay ông Huỳnh Út D đã chết, bà H chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị Tuyết M có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền vốn vay còn nợ là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay tính từ ngày 09/7/2022 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất 1%/tháng, tính đến ngày 02/12/2024 bà H tự nguyện yêu cầu số tiền lãi là 420.000.000 đồng. Bà H tự nguyện trừ đi số tiền lãi đã nhận 13.700.000 đồng. Trên cơ sở đó, số tiền lãi bà H yêu cầu bà M trả là 406.300.000 đồng. Bà H không yêu cầu bà Bùi Thị Bé B, bà Huỳnh Thị Tuyết A, bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Nguyễn Hồng P1 có trách nhiệm liên đới trả. Do bà M đã ly hôn với ông P1 trước khi bà M vay tiền. Nên nguyên đơn rút lại việc đưa ông P1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 25/12/2024 bà H có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của bà M cụ thể phong tỏa toàn bộ thửa đất số 162, tờ bản đồ số 6 diện tích 6.339,3 m² tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà H rút toàn bộ yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M trình bày:

Ngày 09/07/2022 bà và ba ruột của bà là ông Huỳnh Út D có vay của bà H số tiền 1.500.000.000 đồng để điều trị bệnh cho ông D. Năm 2023 ông D chết. Phần đất thuộc quyền sử dụng của ông D là thửa 162, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.339,3 m² tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D đã ký tên cho bà đứng tên quyền sử dụng đất và toàn quyền định đoạt. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà M đồng ý trả cho bà H số tiền 1.906.300.000 đồng.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 09/12/2024 bà M thay đổi ý kiến, chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn bà M xin không trả lãi.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày: Ngày 09/07/2022 bà M trực tiếp nhận số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà H cho vay để sử dụng điều trị bệnh cho ông D. Bà H có thỏa thuận miệng với bà M mỗi tháng bà M đưa cho bà H 15.000.000 đồng và lo cơm nước hàng ngày cho bà H, có trách

nhiệm nuôi dưỡng bà H cho đến cuối đời. Tổng số tiền bà M đã đưa cho bà H mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến ngày 02/09/2024 là 390.000.000 đồng. Bà M chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 1.110.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi. Đồng thời phía đại diện theo ủy quyền của bà M xuất trình giấy điều trị bệnh của ông Huỳnh Út D năm 2023, yêu cầu Tòa án tạm dừng phiên tòa để giám định chữ ký, chữ viết họ tên ông Huỳnh Út D trong hợp đồng vay tiền ngày 09/07/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Tuyết A, bà Bùi Thị Bé B, bà Huỳnh Thị Tuyết N trình bày:

Khi vay tiền thì do bà M và ông D thực hiện. Nay ông D đã chết tài sản của ông D bà B, bà N, bà Tuyết A đã ký tên cho bà M nhận thừa kế và toàn quyền định đoạt. Nên bà Huỳnh Thị Tuyết A, bà Bùi Thị Bé B, bà Huỳnh Thị Tuyết N không có liên quan đến vụ kiện, bà H khởi kiện bà M thì bà M tự định đoạt.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh H.

Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Thanh H số tiền 1.906.300.000 (một tỷ chín trăm lẻ sáu triệu ba trăm nghìn) đồng trong đó bao gồm nợ gốc là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và tiền lãi là 406.300.000 (bốn trăm lẻ sáu triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/01/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm do án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không tiến hành giám định chữ ký của ông Huỳnh Út D tại hợp đồng vay tiền ngày 09/07/2022 và không cho tiến hành đối chất giữa bà M với bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác định bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Huỳnh Thị Thanh H căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 09/7/2022 giữa bà H với ông Huỳnh Út D và bà Huỳnh Thị Tuyết M ký yêu cầu bà M trả số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 09/7/20022 cho đến ngày xét xử.

[1.1] Hợp đồng vay tiền nói trên được công chứng chứng thực tại văn phòng C.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án bà Tuyết M cũng thừa nhận ngày 09/07/2022 bà M và ông D có vay của bà H số tiền 1.500.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2024 bà M trình bày do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả gốc số tiền 1.500.000.000 đồng và xin không trả lãi. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vợ và những người con khác của ông D cùng thống nhất trình bày: ông D bị bệnh ung thư không có tiền chữa trị nên ông D và bà Tuyết M có vay của bà H 1.500.000.000 đồng để trị bệnh cho ông D.

Xét thấy lời thừa nhận của bà M, bà B, bà Tuyết A, bà Tuyết N về việc bà M và ông D có vay của bà H số tiền 1.500.000.000 đồng là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Mặt khác, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày bà M là người trực tiếp nhận số tiền vay 1.500.000.000 đồng từ bà H để dùng vào việc chữa bệnh cho ông D, mỗi tháng bà M trực tiếp trả cho bà H 15.000.000 đồng. Điều này cho thấy việc vay tiền của bà H theo hợp đồng vay ngày 09/07/2022 là có thật. Đại diện theo ủy quyền của bà M yêu cầu dừng phiên tòa giám định chữ ký chữ viết của ông D là không cần thiết, do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[2] Theo lời thừa nhận của bà M, cùng vợ và các người con còn lại của ông D thì toàn bộ tiền bà M nhận từ bà H theo hợp đồng vay tiền ngày 09/07/2022 dùng vào việc chữa bệnh cho ông D. Phần đất thuộc thửa đất số 232, tờ bản đồ số 6, diện tích 3387,4 m² và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 6, diện tích là 6339.3m² tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre của ông D để lại các đồng thừa kế đã ký tên cho bà M đứng tên quyền sử dụng đất. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ vay gốc là 1.500.000.000 đồng và được Tòa sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

[3] Đối với số tiền lãi bà H yêu cầu bà M trả theo mức lãi suất 1%/tháng trên số tiền 1.500.000.000 đồng tính từ ngày 09/07/2022 cho đến ngày xét xử, bà H tự nguyện yêu cầu số tiền lãi tính đến ngày 02/12/2024 là 420.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*” bà H yêu cầu bà M trả lãi theo lãi suất 1%/tháng là thấp hơn mức lãi suất quy định tại điều luật viện dẫn trên, nên yêu cầu tiền lãi của bà H là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H tính thời gian trả lãi từ ngày 09/07/2022 đến ngày 02/12/2024 và tự nguyện khấu trừ số tiền lãi đã nhận 13.700.000 đồng vào số tiền lãi bà H yêu cầu. Như vậy, số tiền lãi bà M phải có trách nhiệm trả cho bà H là 406.300.000 đồng theo quyết định của Tòa sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Trong suốt quá trình tố tụng, ngoài lời trình bày bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh từ ngày vay tiền cho đến ngày 02/09/2024 bà M có đưa cho bà H số tiền 390.000.000 đồng, do đó không có cơ sở xem xét trừ số tiền này vào số tiền lãi bà H yêu cầu.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Bà Huỳnh Thị

Tuyết M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh H.

Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Thanh H số tiền 1.906.300.000 (một tỷ chín trăm lẻ sáu triệu ba trăm nghìn) đồng trong đó bao gồm nợ gốc là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và tiền lãi là 406.300.000 (bốn trăm lẻ sáu triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 69.189.000 (sáu mươi chín triệu một trăm tám mươi chín nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006463 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên